



Khu Học Chánh Garden Grove

Trường trung học cấp 2 La Quinta

Bản Tổng Kết Hàng Năm, Niên khoá 2010-2011

10372 McFadden Avenue
Westminster, CA 92683
Điện thoại : (714) 663-6315
Địa chỉ trang mạng: www.ggusd.us

Denise Halstead
Hiệu trưởng

Laura Schwalm, Ph.D.,
Trưởng khu học chánh

Vài nét về trường

Trường trung học cấp 2 La Quinta là một trong 70 trường thuộc khu học chánh Garden Grove, dạy học sinh từ lớp 9 đến lớp 12 cư ngụ tại các thành phố Westminster, Garden Grove, Fountain Valley và Santa Ana.

Sự tham gia của phụ huynh

Trong khu học chánh có nhiều sinh hoạt để phụ huynh tham gia như các tổ chức phụ huynh hỗ trợ nhà trường, hội gây quỹ và ủng hộ sinh hoạt của học sinh, hội đồng nhà trường, và các ban cố vấn cấp khu học chánh.

Phụ huynh tại trường tham gia những sinh hoạt như buổi tiếp đón phụ huynh đến viếng lớp (Open House), đêm gặp gỡ giáo viên sau ngày tựu trường (Back-to-School Night), buổi hướng dẫn cho học sinh lớp 9 mới vào trường (Freshman Orientation), đêm hướng dẫn phụ huynh học sinh lớp 8 (Eight-Grade Parent Night), các buổi họp của ban cố vấn cho học sinh đang trau dồi Anh ngữ (English Learner Advisory Committee), các hội gây quỹ và ủng hộ sinh hoạt của học sinh chơi thể thao và cổ vũ viên, nhóm bạn của âm nhạc (Friends of Music), hội phụ huynh học sinh (PTSSO), chuẩn bị cho lễ tốt nghiệp, hội đồng nhà trường (School Site Council) và các uỷ ban tự học theo chương trình của hiệp hội WASC. Phụ huynh còn tham dự các lớp Power School, các buổi hướng dẫn về trợ giúp tài chánh để đi học (financial aid) và đêm hướng dẫn thông tin về đại học (College Night). Muốn biết thêm chi tiết về những sinh hoạt nêu trên, xin liên lạc hiệu trưởng ở số (714) 663-6315.

Ban giám hiệu và nhân viên yểm trợ

Lãnh đạo giỏi là yếu tố cần thiết cho một trường ưu tú, và trường trung học cấp 2 La Quinta được đặt dưới sự điều hành của hiệu trưởng Denise Halstead, là nhà giáo dục chuyên nghiệp với 27 năm kinh nghiệm. Bà được bổ nhiệm làm hiệu trưởng vào năm 2010.

Ngoài hiệu trưởng, ban giám hiệu gồm có các phụ tá hiệu trưởng Chris Cumberland, Erin Lara và Mark H. Nguyen, các chuyên viên tư vấn, trưởng ban phụ trách các sinh hoạt của học sinh, trưởng ban tuyển lựa học sinh chơi thể thao, các trưởng khối, các giáo viên, điều hợp viên chương trình Title I và thư ký nhà trường. Một trong những trách nhiệm của ban giám hiệu là cố vấn về chương trình học và các chương trình ngoại khoá.

Ngoài ban giám hiệu, giáo viên và nhân viên văn phòng còn có các nhân viên yểm trợ được huấn luyện đặc biệt để giúp học sinh. Những nhân viên này gồm có:

- Chuyên viên tâm lý
- Chuyên viên dạy phát âm và luyện ngữ
- Y tá/Phụ tá y tế
- Quản thủ thư viện
- Nhân viên liên lạc trường/Nhân viên liên lạc cộng đồng
- Các nhân viên phụ trách an toàn trường
- Giáo viên chương trình Title I
- Chuyên viên tư vấn
- Giáo viên dạy thể dục cho học sinh khuyết tật
- Phụ tá hành chánh kế toán
- Các phụ giáo
- Chuyên viên giao tế cộng đồng
- Giáo viên dạy nhạc khí
- Giáo viên dạy thanh nhạc
- Cảnh sát đặt trách học đường (thuộc sở cảnh sát Garden Grove)
- Giáo viên lớp bổ túc đặc biệt
- Giáo viên lớp giáo dục đặc biệt trọn ngày
- Nhân viên phụ trách trắc nghiệm
- Phụ tá kỹ thuật điện toán

Tôn chỉ của chúng tôi

Hội đồng giáo dục khu học chánh Garden Grove quyết tâm đem đến một chương trình giáo dục đặt trọng tâm vào thành tích học tập, giữ tiêu chuẩn cao, và tạo cơ hội cho tất cả học sinh đạt được kiến thức và năng lực cần thiết để có một cuộc sống hữu ích. Để đạt quyết tâm, học sinh sẽ tham gia một chương trình giáo dục toàn diện nhằm đạt được những mục tiêu nêu trên.

Mục tiêu chúng tôi đề ra

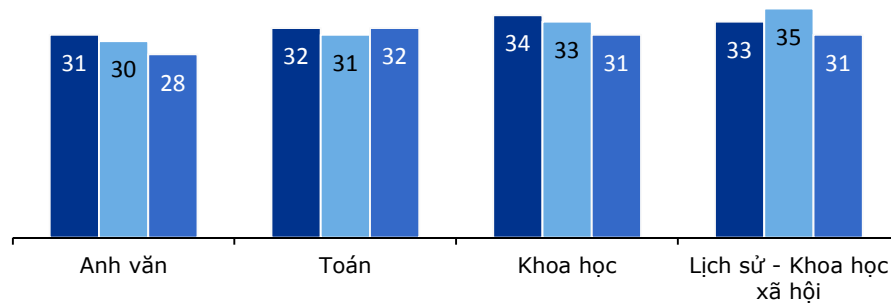
Khu học chánh đặt ra mục tiêu là sẽ nỗ lực giúp tất cả học sinh khi ra trường trung học đều có cơ hội có nhiều lựa chọn khác nhau như học tiếp lên đại học, học ngành kỹ thuật hoặc nghề chuyên môn khác. Để có cơ hội lựa chọn giữa những hướng đi, học sinh cần phải nắm vững kiến thức các môn học chính theo tiêu chuẩn của tiểu bang và cần phải thông thạo tiếng Anh. Điều này sẽ giúp học sinh được học những môn khó ở bậc trung học và tốt nghiệp trung học để sẵn sàng lên đại học hoặc theo đuổi những nghề chuyên môn.



Số học sinh trong lớp

07-08 08-09 09-10

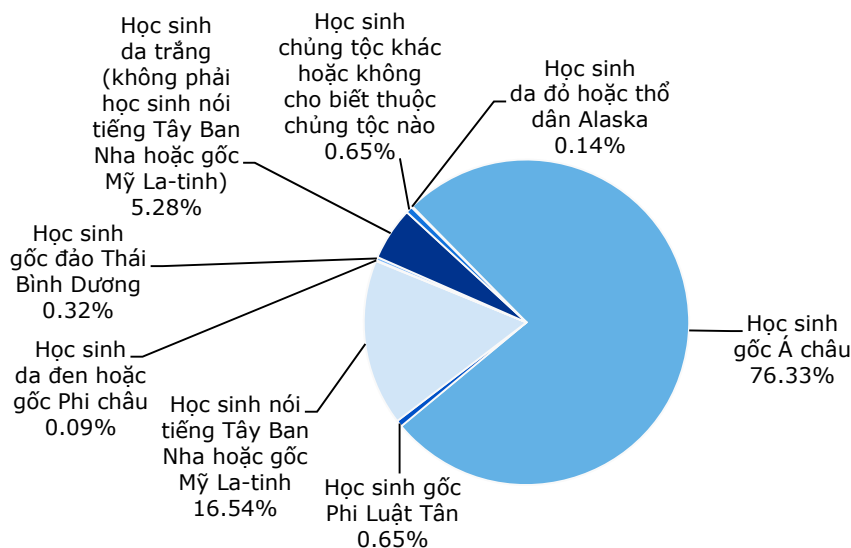
Dưới đây là số học sinh trung bình trong mỗi lớp trong 3 năm qua.



Sự phân bố số học sinh trong lớp – Số lớp học tính theo số học sinh

| Môn Học | 07-08 | | | 08-09 | | | 09-10 | | |
|---------------------------|-------|-------|-----|-------|-------|-----|-------|-------|-----|
| | 1-22 | 23-32 | 33+ | 1-22 | 23-32 | 33+ | 1-22 | 23-32 | 33+ |
| Anh văn | 8 | 23 | 32 | 10 | 29 | 23 | 18 | 67 | 50 |
| Toán | 3 | 22 | 32 | 4 | 28 | 26 | 14 | 51 | 63 |
| Khoa học | 3 | 10 | 31 | 1 | 12 | 35 | 9 | 51 | 53 |
| Lịch sử - Khoa học xã hội | 1 | 16 | 25 | 0 | 7 | 35 | 5 | 55 | 34 |

Số học sinh ghi danh và thành phần sắc dân



* Dữ kiện được báo cáo vào ngày 1 tháng 10 năm 2010.

Sự an toàn ở trường

Duy trì một môi trường học tập an toàn và trật tự là rất cần thiết. Tất cả các trường trong khu học chánh đều đóng kín cổng, và khách khi đến thăm trường phải lập tức ghi tên tại văn phòng trường trước khi bước chân vào khuôn viên trường. Việc ra vào trường được ban giám hiệu, thầy cô giáo, các giáo viên tư vấn và các nhân viên phụ trách an toàn cho trường giám sát.

Tất cả các trường đều lập uỷ ban bảo vệ an toàn cho trường, vạch kế hoạch bảo vệ đầy đủ chi tiết, và duyệt lại và cập nhật kế hoạch bảo vệ vào mỗi đầu năm học. Những kế hoạch này gồm kế hoạch và biện pháp đối phó khi khẩn cấp, các báo động của Bộ Nội An, nội quy của trường và các quy định về trang phục của học sinh.

Các uỷ ban bảo vệ an toàn cho trường gồm có nhân viên ban giảng huấn và nhân viên văn phòng, họp với nhau để bàn việc bảo vệ học sinh và nhân viên trường. Vào đầu năm học, trường phát cho phụ huynh và học sinh các bản hướng dẫn khi có động đất. Việc thực tập phòng cháy được tổ chức mỗi tháng ở trường tiểu học, ít nhất 4 lần trong một năm ở trường trung học cấp 1 và ít nhất 2 lần trong một năm ở trường trung học cấp 2. Các trường tiểu học thực tập ấn núp mỗi ba tháng, còn trường trung học cấp 1 và trung học cấp 2 thì ít nhất mỗi học kỳ một lần. Mỗi năm, tất cả các trường thực tập một buổi cấm công toàn trường.

Số học sinh ghi danh và thành phần sắc dân

Trong niên khoá 2010-2011 trường có tổng số 2,159 học sinh.*

Tình trạng sửa chữa kịp thời phòng ốc của trường (niên khoá 2010-11)

Bảng dưới đây tóm tắt kết quả kiểm tra gần đây nhất về tình trạng sân bãi, phòng ốc, và phòng vệ sinh của trường. Mẫu kiểm tra phòng ốc (Facilities Inspection Tool - FIT) được dùng để ghi nhận xem phòng ốc ở trường có được "sửa chữa kịp thời" hay không theo những yếu tố kiểm tra ghi trong bảng dưới đây. Phụ huynh có thể nói chuyện với hiệu trưởng để biết thêm chi tiết về tình trạng phòng ốc của trường.

| Tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường | | | |
|---|--------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Các hạng mục kiểm tra | Tình trạng giữ gìn | Các hạng mục kiểm tra | Tình trạng giữ gìn |
| Các hệ thống | Tốt | Phòng vệ sinh/Vòi nước uống | Tốt |
| Bên trong | Tốt | Sự an toàn | Tốt |
| Tình trạng sạch sẽ | Tốt | Thuộc về cấu trúc | Tốt |
| Thuộc về điện | Tốt | Bên ngoài | Tốt |
| Tóm tắt tổng quát tình trạng phòng ốc | | | Tốt |
| Ngày kiểm tra trường và hoàn tất mẫu FIT gần đây nhất | | | 23 tháng Tám năm 2010 |

Phòng ốc của trường

Khu học chánh Garden Grove hãnh diện đã duy trì được phòng ốc đạt tiêu chuẩn, giúp ích cho việc dạy và học. Ban vệ sinh trường và ban bảo trì của khu học chánh có một hệ thống kiểm tra nhằm bảo đảm tất cả mọi nơi đều được sạch sẽ, an toàn, bảo trì kỹ, và sửa chữa kịp thời. Tất cả phòng học, sân chơi và nơi làm việc đều đạt quy định về sức chứa của Bộ Luật Giáo Dục.

Hội Đồng Giáo Dục đã đặt ra một chương trình bảo trì 5 năm để nâng cấp trường lớp, trong khi đó các dự án sửa sang lớn sẽ được chuẩn thuận hàng năm khi có nhu cầu. Một đội thuộc khu học chánh phụ trách tẩy xoá hình chữ vẽ bậy trên tường để giữ trường lớp đẹp đẽ.

Trường trung học cấp 2 La Quinta khai khoá vào năm 1964. Trường có 64 phòng học cố định và 3 phòng học di động. Ngoài ra, trường có phòng tập thể dục, hai hồ bơi, các phòng tập tạ, 6 phòng thực tập máy điện toán và nhiều phòng ốc cho học sinh thể thao tập dượt.

Những chương trình tu sửa vừa hoàn tất trong thời gian gần đây hoặc đã lên lịch trình hoàn tất trong năm nay gồm có thay thảm mới trong 5 phòng học và 2 toà nhà, lợp mái mới cho toà nhà quản trị, sửa chữa và tráng lại những nơi có tráng nhựa đường và cải tiến một phòng vệ sinh để người tàn tật có thể lui tới được dễ dàng hơn.

Vào tháng Sáu năm 2010, cư dân trong khu học chánh Garden Grove đã bỏ phiếu thuận Dự luật A cho phép phát hành 250 triệu đô-la công khố phiếu và tạo điều kiện cho khu học chánh nhận tối đa 200 triệu đô-la công khố phiếu của tiểu bang để trang trải cho các dự án sửa chữa lớn, nâng cấp, và hiện đại hoá hạ tầng cơ sở.

Tiền công khố phiếu, cộng với tiền tài trợ tương ứng của tiểu bang sẽ giúp trang trải những sửa chữa lớn như thay mới hệ thống mạch điện, ống nước, đèn, mái nhà, liên lạc nội bộ, và phòng cháy; cải thiện việc tiêu thụ năng lượng; thay cửa ra vào, cửa sổ, và các hệ thống máy sưởi và thông gió đã lỗi thời; thay các tấm lót an toàn trên sân chơi; nâng cấp hệ thống liên lạc nhằm đáp ứng kỹ thuật ngày nay; thay các vật dụng ở phòng vệ sinh và các vòi nước uống; và sửa sang trường nhằm tạo sự dễ dàng hơn cho người tàn tật di chuyển.

Tiền công khố phiếu sẽ do thủ quỹ của hạt Orange giữ và giám sát, sẽ chịu sự kiểm tra của uỷ ban giám sát do người dân lập ra, sẽ được kiểm toán hàng năm một cách độc lập, và sẽ có sẵn sàng cho công chúng xem xét.

Các hạng mục kiểm tra phòng ốc của trường

Sau đây là danh sách những hạng mục được kiểm tra.

- **Các hệ thống:** hệ thống và ống dẫn khí đốt, máy móc (máy sưởi, máy thông gió và máy điều hoà không khí), cống rãnh
- **Bên trong:** các mặt bên trong của phòng ốc (sàn, trần, tường và khung cửa sổ)
- **Tình trạng sạch sẽ:** ngăn ngừa chuột bọ/sâu mọt, tình trạng sạch sẽ tổng quát (sân trường, toà nhà, phòng và các khu vực chung)
- **Tình trạng sạch sẽ:** ngăn ngừa chuột bọ/sâu mọt, tình trạng sạch sẽ tổng quát (sân trường, toà nhà, phòng và các khu vực chung)
- **Phòng vệ sinh/Vòi nước uống:** phòng vệ sinh, bồn nước/vòi nước uống (bên trong và bên ngoài)
- **Sự an toàn:** dụng cụ chữa cháy, các hệ thống báo động khẩn cấp, vật liệu nguy hiểm (bên trong và bên ngoài)
- **Thuộc về cấu trúc:** tình trạng cấu trúc, mái nhà
- **Bên ngoài:** cửa sổ/cửa ra vào/cống/hàng rào, sân chơi/sân trường



Sách giáo khoa và học liệu hay, mới và có sẵn

Dưới đây là danh sách sách giáo khoa của các môn học chính đang sử dụng tại trường và năm đưa vào sử dụng.

Danh sách sách giáo khoa và học liệu

| Môn học | Đưa vào sử dụng | Mới được bộ giáo dục tiểu bang hoặc hội đồng giáo dục cấp địa phương chấp thuận gần đây nhất |
|--|-----------------------|--|
| Anh ngữ | 2002-03 | Có** |
| Toán: Chuẩn bị học đại số | 2008-09 | Có |
| Toán: Đại số 1 | 2008-09 | Có |
| Toán: Đại số và Lượng giác học | 2008-09 | Có |
| Toán: Hình học | 2008-09 | Có*** |
| Toán: Đại số 2 | 2008-09 | Có*** |
| Toán: Tiên giải tích | 2008-09 | Có*** |
| Toán: Tất cả các môn khác | 2000-01 | Có* |
| Lịch sử/Khoa học xã hội | 2006-07 | Có |
| Khoa học | 2007-08 | Có |
| Nghệ thuật tạo hình/Nghệ thuật trình diễn | 2007-08 | --- |
| Ngoại ngữ | 2007-08 ⁺⁺ | --- |
| Giáo dục sức khoẻ | 2007-08 | --- |

* Đạo luật Omnibus Education Trailer Bill bổ sung ngân sách 2009 đình chỉ việc đòi hỏi phải mua các học liệu mới được đưa vào sử dụng cho tới niên khoá 2013-14, và hoãn lại chu kỳ đưa học liệu vào sử dụng trong cùng thời gian này.

*** Sách giáo khoa trung học môn hình học, đại số 2, và tiên giải tích sẽ được đưa vào sử dụng trong niên khoá 2011-12 và còn tuỳ thuộc vào ngân sách.

+ Sách giáo khoa giúp học sinh yếu môn đọc và sách kèm tiếng Anh đã được đưa vào sử dụng trong niên khoá 2009-10.

++ Chỉ có tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt mà thôi.

Ghi chú: Dữ kiện này do khu học chánh thu thập và kiểm chứng vào tháng Chín năm 2010.

Kiểm tra thể lực của California

Chỉ có học sinh các lớp 5, 7, và 9 phải dự cuộc kiểm tra thể lực của California (California Physical Fitness Test). Bảng này trình bày tỷ lệ học sinh ở mỗi cấp lớp đạt được các tiêu chuẩn về thể lực trong lần kiểm tra gần đây nhất. Để biết thêm chi tiết về cuộc kiểm tra này, và để so sánh kết quả của trường với kết quả của khu học chánh và của tiểu bang, xin ghé vào địa chỉ www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/.

Xin lưu ý rằng kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh. Sẽ không có việc kết quả một nhóm khi công bố sẽ cố ý hay vô ý tiết lộ kết quả hoặc khả năng của bất cứ một cá nhân học sinh nào.

Sách giáo khoa và học liệu hay, mới và có sẵn

Sách giáo khoa từ mẫu giáo đến lớp 8 cho các môn Anh văn, toán, lịch sử-khoa học xã hội, giáo dục sức khoẻ, ngoại ngữ, nghệ thuật tạo hình-trình diễn, và khoa học được đưa vào sử dụng dựa theo những sách đã được Bộ Giáo Dục tiểu bang chuẩn thuận. Hội đồng giáo dục khu học chánh Garden Grove tự chọn sách giáo khoa từ lớp 9 đến lớp 12 cho những môn nêu trên. Sách giáo khoa từ mẫu giáo đến lớp 12 các môn toán, lịch sử-khoa học xã hội, khoa học, Anh văn, gồm môn đọc hiểu, và ngoại ngữ đều theo sát tiêu chuẩn về nội dung đã được tiểu bang chấp thuận và khuôn khổ của tiểu bang hoặc quốc gia dựa theo lịch trình áp dụng của tiểu bang. Sách về môn giáo dục sức khoẻ sẽ được đưa vào sử dụng cho các lớp từ mẫu giáo đến lớp 6 một khi các tiêu chuẩn tiểu bang được Bộ Giáo Dục tiểu bang chấp thuận.

Tất cả học sinh trong khu học chánh Garden Grove, kể cả học sinh đang trau dồi Anh ngữ, đều có đầy đủ sách giáo khoa và học liệu, kể cả dụng cụ phòng thí nghiệm khoa học ở cấp lớp 9 đến 12, trong tình trạng mới và tốt theo quy định của Bộ Luật Giáo Dục. Tất cả sách giáo khoa và học liệu được cung cấp đầy đủ số lượng để học sinh dùng trong lớp và mang về nhà.

Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn thể lực

| Lớp 9 | |
|----------------------------------|-------|
| Bốn trong số 6 tiêu chuẩn | 7.9% |
| Năm trong số 6 tiêu chuẩn | 26.9% |
| Sáu trong số 6 tiêu chuẩn | 59.8% |

Kết quả sát hạch và tường trình theo tiêu chuẩn: So sánh trong 3 năm

Kết quả sát hạch và tường trình theo tiêu chuẩn (Standardized Testing and Reporting - STAR) được báo cáo theo trình độ nhằm so sánh thành tích học tập của học sinh với tiêu chuẩn của tiểu bang. Có 5 trình độ là: Giỏi – Advanced (vượt tiêu chuẩn tiểu bang); Khá – Proficient (đạt tiêu chuẩn tiểu bang); Trung bình – Basic; Kém – Below Basic; và Quá kém – Far Below Basic. Học sinh trình độ Khá hoặc Giỏi thì đạt tiêu chuẩn của tiểu bang trong môn học đó. Bảng dưới đây trình bày tỷ lệ học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi trong môn Anh văn, toán, khoa học, và lịch sử-khoa học xã hội.

| Tỷ lệ học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi | | | | | | | | | |
|---|--------|-------|-------|---------------|-------|-------|----------------------|-------|-------|
| | Trường | | | Khu học chánh | | | Tiểu bang California | | |
| | 07-08 | 08-09 | 09-10 | 07-08 | 08-09 | 09-10 | 07-08 | 08-09 | 09-10 |
| Anh văn | 67% | 74% | 72% | 48% | 51% | 53% | 46% | 50% | 52% |
| Toán | 46% | 49% | 55% | 47% | 51% | 56% | 43% | 46% | 48% |
| Khoa học | 66% | 75% | 76% | 52% | 56% | 59% | 46% | 50% | 54% |
| Lịch sử-Khoa học xã hội | 66% | 73% | 78% | 47% | 52% | 53% | 36% | 41% | 44% |

Kết quả STAR theo nhóm học sinh: Anh văn, Toán, Khoa học và Lịch sử-Khoa học xã hội

| Tỷ lệ học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi | | | | |
|---|----------------------------------|------|----------|-------------------------|
| Nhóm | Kết quả học kỳ mùa xuân năm 2010 | | | |
| | Anh văn | Toán | Khoa học | Lịch sử-Khoa học xã hội |
| Tất cả học sinh trong khu học chánh | 53% | 56% | 59% | 53% |
| Tất cả học sinh trong trường | 72% | 55% | 76% | 78% |
| Nam | 70% | 57% | 77% | 79% |
| Nữ | 75% | 54% | 75% | 77% |
| Học sinh da đen hoặc gốc Phi châu | ❖ | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska | ❖ | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh gốc Á châu | 53% | 60% | 75% | 80% |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ❖ | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 51% | 25% | 46% | 52% |
| Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương | ❖ | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da trắng | 67% | 40% | 71% | 78% |
| Học sinh thuộc hai giống dân hoặc nhiều hơn | ❖ | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh nghèo | 70% | 55% | 73% | 77% |
| Học sinh đang trau dồi Anh ngữ | 35% | 41% | 46% | 48% |
| Học sinh khuyết tật | 34% | 34% | 32% | 33% |
| Học sinh nhận dịch vụ chuyển trường theo cha mẹ | ❖ | ❖ | ❖ | ❖ |

❖ Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh.

Sát hạch và tường trình theo tiêu chuẩn

Chương trình sát hạch và tường trình theo tiêu chuẩn bao gồm vài kiểm tra chính như Trắc nghiệm tiêu chuẩn của California (California Standards Test - CST), Cách đánh giá với bài thi cải biên của California (California Modified Assessment - CMA), và Cách đánh giá năng lực tương đương của California (California Alternate Performance Assessment - CAPA). Trắc nghiệm CST gồm các bài kiểm tra chọn câu trả lời đúng nhất trong các môn Anh văn, toán, khoa học, và lịch sử-khoa học xã hội ở các cấp lớp khác nhau. Một số cấp lớp còn dự thi viết luận văn.

Các trắc nghiệm CST được dùng để xem học sinh có đạt tiêu chuẩn giáo dục của California (California Academic Content Standards) hay không. Những tiêu chuẩn này bao gồm kiến thức và năng lực mà học sinh phải đạt được ở mỗi cấp lớp và trong từng môn học.

CMA là cách đánh giá được cải biên cho phù hợp với học sinh khuyết tật thuộc chương trình giáo dục cá nhân (individualized education program - IEP), nhằm lượng định khả năng của những học sinh vì khuyết tật mà không đạt trình độ ở cấp lớp so với các tiêu chuẩn giáo dục dù được tạo điều kiện thích nghi hay không.

CAPA là một cách khác để đánh giá trình độ những học sinh thiếu khả năng nhận thức trầm trọng nên không thể lấy trắc nghiệm CST dù được tạo điều kiện thích nghi hay được cải biên cho thích hợp, hoặc trắc nghiệm CMA dù được tạo điều kiện thích nghi hay không.

Để có bản tường trình đầy đủ về các kiểm tra, sự tham gia, nhóm tham gia, và kết quả cấp lớp, xin ghé vào <http://star.cde.ca.gov/>. Để biết thêm chi tiết về chương trình STAR, xin xem cẩm nang tại www.cde.ca.gov/ta/tg/sr/documents/starpkt5intrpts.pdf



Đuổi học tạm thời và đuổi luôn

Bảng dưới đây trình bày tỷ lệ học sinh bị đuổi học tạm thời và bị đuổi luôn tại trường và tại khu học chánh trong ba năm gần đây nhất.

| Tỷ lệ bị đuổi học tạm thời và bị đuổi luôn | | | | | | |
|--|--------|-------|-------|---------------|-------|-------|
| | Trường | | | Khu học chánh | | |
| | 07-08 | 08-09 | 09-10 | 07-08 | 08-09 | 09-10 |
| Tỷ lệ bị đuổi học tạm thời | 0.044 | 0.095 | 0.147 | 0.135 | 0.126 | 0.248 |
| Tỷ lệ bị đuổi luôn | 0.000 | 0.007 | 0.006 | 0.001 | 0.003 | 0.002 |

Chỉ số thành tích học tập

Chỉ số thành tích học tập (Academic Performance Index - API) là sự thẩm định hàng năm về trình độ học và sự tiến triển của các trường tại California. Chỉ số API dựa trên thang điểm từ 200 đến 1,000, với 800 điểm được ấn định là mục tiêu cho toàn tiểu bang. Các trường được phân theo 10 hạng mục cùng cỡ từ 1 (thấp nhất) đến 10 (cao nhất). Trường được so sánh với 100 trường khác có "cùng các đặc tính" dựa trên thống kê. Để biết thêm chi tiết, xin ghé vào www.cde.ca.gov/ta/ac/ap.

| Phân hạng API – So sánh trong 3 năm | | | |
|--|-------|-------|-------|
| | 06-07 | 07-08 | 08-09 |
| Phân hạng API trên toàn tiểu bang | 10 | 10 | 10 |
| Phân hạng API của các trường có cùng đặc tính | 10 | 10 | 10 |

| Sự gia tăng chỉ số API theo nhóm học sinh – So sánh trong 3 năm | | | |
|---|-----------------------------|-------|-------|
| Nhóm | Chỉ số API thay đổi thật sự | | |
| | 07-08 | 08-09 | 09-10 |
| Tất cả học sinh trong trường | 9 | 16 | 11 |
| Học sinh da đen hoặc gốc Phi châu | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh gốc Á châu | 8 | 13 | 9 |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 11 | 25 | 12 |
| Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh da trắng | 24 | 2 | ■ |
| Học sinh thuộc hai giống dân hoặc nhiều hơn | ■ | ■ | ■ |
| Học sinh nghèo | 7 | 24 | 10 |
| Học sinh đang trau dồi Anh ngữ | -32 | 11 | 22 |
| Học sinh khuyết tật | ■ | ■ | ■ |

■ Chỉ trường trình dữ kiện của những nhóm có số lượng đáng kể.

Sử dụng Internet công cộng

Những học sinh không có Internet tại nhà có thể sử dụng máy điện toán có Internet tại các thư viện công cộng ở trong khu học chánh Garden Grove để lấy xuống và xem Bản Tổng Kết Hàng Năm (School Accountability Report Card). Việc sử dụng Internet tại thư viện sẽ theo nguyên tắc ai đến trước dùng trước. Có vài hạn chế khi sử dụng như giờ mở cửa, thời gian được sử dụng (tùy thuộc vào có sẵn máy hay không), những loại nhu liệu có trong máy, và việc có in được tài liệu hay không.

Xin xem dưới đây danh sách những thư viện trong vùng.

Thư viện Anaheim Public Library

Điện thoại: (714) 765-1880
Địa chỉ Internet:
www2.anaheim.net/custom.cfm?name=welcome_library.cfm

Thư viện Orange County Public Library

Điện thoại: (714) 566-3000
Địa chỉ Internet: www.ocpl.org
Dành cho những thành phố thuộc phạm vi khu học chánh Garden Grove sau đây:

- Cypress
- Garden Grove
- Fountain Valley
- Stanton
- Westminster

Thư viện Santa Ana Public Library

Điện thoại: (714) 647-5250
Địa chỉ Internet: www.ci.santa-ana.ca.us/library/



**Sự gia tăng chỉ số API theo nhóm học sinh:
So sánh sự gia tăng chỉ số API trong năm 2010**

Bảng này trình bày, theo nhóm học sinh, sự gia tăng chỉ số API trong năm 2010 tại trường, khu học chánh và trên toàn tiểu bang.

| Sự gia tăng chỉ số API theo nhóm học sinh – So sánh năm 2010 | | | |
|--|---------------------------------------|---------------|-----------|
| Nhóm | Sự gia tăng chỉ số API trong năm 2010 | | |
| | Trường | Khu học chánh | Tiểu bang |
| Tất cả học sinh | 878 | 802 | 767 |
| Học sinh da đen hoặc gốc Phi châu | ■ | 786 | 686 |
| Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska | ■ | ■ | 728 |
| Học sinh gốc Á châu | 904 | 898 | 890 |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ■ | 879 | 851 |
| Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 770 | 735 | 715 |
| Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương | ■ | 764 | 753 |
| Học sinh da trắng | ■ | 842 | 838 |
| Học sinh thuộc hai giống dân hoặc nhiều hơn | ■ | 760 | 807 |
| Học sinh nghèo | 866 | 774 | 712 |
| Học sinh đang trau dồi Anh ngữ | 811 | 761 | 692 |
| Học sinh khuyết tật | ■ | 616 | 580 |

■ Chỉ tương trình dữ kiện của những nhóm có số lượng đáng kể.

Ghi chú về đánh giá API: Chỉ tương trình dữ kiện đánh giá những nhóm có số lượng đáng kể. Để được xem là "có số lượng đáng kể" đối với API thì nhóm đó phải có một trong hai điều sau đây: (1) tối thiểu 50 học sinh đạt điểm hợp lệ và chiếm ít nhất 15% tổng số điểm hợp lệ, hoặc (2) tối thiểu 100 học sinh đạt điểm hợp lệ.

Chương trình theo dõi và can thiệp của liên bang

Những trường nào nhận tài trợ cho chương trình Title I phải cải tiến chương trình học (Program Improvement - PI) nếu không đạt mức tiến bộ tối thiểu hàng năm (AYP) trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (Anh văn hoặc Toán) hoặc trên cùng một chỉ số (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Mức độ theo dõi và can thiệp sẽ tăng lên mỗi năm mà trường không đạt mục tiêu AYP. Để biết thêm chi tiết, xin ghé vào www.cde.ca.gov/ta/ac/ay.

Vào cuối tháng 8 trường tổ chức các buổi hướng dẫn chuyên sâu trong 5 ngày liền để cung cấp kiến thức mới và nâng cao năng lực cho giáo viên để chuẩn bị cho một năm học mới. Đối với nhân viên nhà trường thì trường tổ chức các khóa tu nghiệp vào sau giờ học và trong suốt năm học vào những ngày nghỉ sớm. Trường luôn có những buổi huấn luyện về học trình của khu học chánh, phương tiện kỹ thuật, và phương pháp giảng dạy dựa trên nghiên cứu. Ngoài những đợt huấn luyện tại chức, mỗi năm khu học chánh dành một ngày để tu nghiệp tất cả giáo viên trung học trong khu học chánh.

Giáo viên mới vào nghề được tham dự chương trình huấn luyện bao quát BTSAs để làm quen với công việc. Cách đứng lớp, chương trình cơ bản của khu học chánh, phiếu điểm, các buổi họp giáo viên và phụ huynh, và phương pháp giảng dạy dựa trên nghiên cứu chỉ là vài trong số những chủ đề huấn luyện giáo viên mới.

Chương trình theo dõi và can thiệp của liên bang

| Chương trình theo dõi và can thiệp của liên bang | | |
|--|--------------------------------------|--------------------------------|
| | Trường | Khu học chánh |
| Tình trạng cải tiến chương trình học | Không phải cải tiến chương trình học | Phải cải tiến chương trình học |
| Năm đầu tiên cải tiến chương trình học | ◇ | 2008-2009 |
| Số năm cải tiến chương trình học | ◇ | Năm thứ 3 |
| Tổng số trường phải cải tiến chương trình học | | 31 |
| Tỷ lệ trường phải cải tiến chương trình học | | 46.3% |

◇ Có nghĩa là không áp dụng hoặc không có. Trường này không phải là trường phải cải tiến chương trình học.

Chương trình theo dõi và can thiệp của liên bang

Những trường nào nhận tài trợ cho chương trình Title I phải cải tiến chương trình học (Program Improvement - PI) nếu không đạt mức tiến bộ tối thiểu hàng năm (AYP) trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (Anh văn hoặc Toán) hoặc trên cùng một chỉ số (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Mức độ theo dõi và can thiệp sẽ tăng lên mỗi năm mà trường không đạt mục tiêu AYP. Để biết thêm chi tiết, xin ghé vào www.cde.ca.gov/ta/ac/ay.

Mức tiến bộ tối thiểu hàng năm

| Tiêu chuẩn về mức tiến bộ tối thiểu hàng năm | | | | |
|--|----------------|-------------|----------------|-------------|
| | Trường | | Khu học chánh | |
| Đạt toàn bộ mức AYP | Có | | Không | |
| Tiêu chuẩn AYP | Anh văn | Toán | Anh văn | Toán |
| Tỷ lệ tham gia | Có | Có | Có | Có |
| Tỷ lệ đạt mức tiêu chuẩn | Có | Có | Không | Có |
| Chỉ số API | Có | | Có | |
| Tỷ lệ tốt nghiệp | Có | | Có | |

Mức tiến bộ tối thiểu hàng năm

Đạo luật Giúp Học Sinh Học Tiến (No Child Left Behind - NCLB) của liên bang bắt buộc tất cả trường và khu học chánh phải đạt các quy định về mức tiến bộ tối thiểu hàng năm (AYP). Để đạt các tiêu chuẩn này, các trường công và khu học chánh tại California phải đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong 4 lãnh vực:

1. Tỷ lệ học sinh tham gia các đánh giá toàn tiểu bang
2. Tỷ lệ học sinh đạt mức tiêu chuẩn trong các đánh giá toàn tiểu bang
3. Điểm số API
4. Tỷ lệ tốt nghiệp (đối với trường trung học cấp 2)

Để có bản tường trình chi tiết về mức tiến bộ tối thiểu hàng năm, xin ghé vào: www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/.

Chương trình và việc giảng dạy của trường

Khu học chánh nhận được thêm tài trợ cho một số dịch vụ và chương trình đặc biệt. Trong số đó có những chương trình hiện có tại trường như sau:

- Chương trình cá nhân quyết tâm thăng tiến (AVID)
- Các chương trình dành cho học sinh đang trau dồi Anh ngữ
 - ▶ Chương trình tài trợ thêm cho các dịch vụ giáo dục dành cho học sinh nghèo hoặc đang trau dồi Anh ngữ
 - ▶ Chương trình giúp học sinh yếu tiếng Anh (Title III)
- Chương trình giáo dục đặc biệt
- Quỹ tài trợ kỹ thuật hỗ trợ cho giáo dục (EETT)
- Chương trình giúp học sinh nghèo thu hẹp khoảng cách giáo dục (Title I)
- Các chương trình học thêm giờ và học hè:
 - ▶ Các lớp kèm học sinh gặp trở ngại học hành ngoài giờ
 - ▶ Các lớp kèm tiếng Anh ngoài giờ
 - ▶ Chương trình học hè

Khu học chánh Garden Grove nỗ lực giúp tất cả học sinh có được chương trình giáo dục có phẩm chất, dựa trên các tiêu chuẩn. Thông qua các tổ chức như hội đồng nhà trường, hội phụ huynh học sinh, ban cố vấn học sinh đang trau dồi Anh ngữ của khu học chánh, các buổi họp theo cấp lớp hoặc giữa các trường khoa, và các uỷ ban cố vấn khác, nhân viên trường và phụ huynh cùng tham gia đề ra các quyết định cho trường. Tại trường trung học, nhân viên trường và phụ huynh tham gia vào các hội gây quỹ và ủng hộ sinh hoạt của học sinh.

Để đánh giá toàn diện trình độ học của từng học sinh, trường kết hợp sử dụng kết quả Trắc nghiệm tiêu chuẩn của California và kết quả đánh giá dựa trên điểm gốc của khu học chánh cùng với những phương pháp thẩm định thành độ học khác như bài thi do giáo viên hay nhà xuất bản biên soạn, bài tập, bài luận, tài liệu sưu tầm, nhận xét của giáo viên, tiểu án và bài tường trình đặc biệt, và sự tham gia phát biểu ý kiến trong lớp của học sinh. Tất cả học sinh đang trau dồi Anh ngữ phải thi Sát hạch khả năng Anh ngữ của California (California English Development Test - CELDT).

Trong năm học, các trường trung học cấp 1 và trung học cấp 2 sẽ gửi về nhà 4 phiếu theo dõi tiến bộ và 4 phiếu điểm.

Điều kiện để được nhận vào các trường đại học công lập của tiểu bang California

University of California: Điều kiện nhập học hệ thống University of California (viết tắt là UC) tuân thủ các nguyên tắc đề ra trong Kế hoạch tổng thể về nền giáo dục đại học của California (California Master Plan for Higher Education), theo đó quy định rằng 1 phần 8 học sinh đứng đầu danh sách tốt nghiệp trung học, và học sinh chuyển tiếp sau khi đã hoàn tất những lớp phải học, sẽ đạt tiêu chuẩn để vào hệ thống UC. Điều này nhằm bảo đảm tất cả học sinh khi đạt tiêu chuẩn thì đã có sự chuẩn bị sẵn sàng để học bậc đại học. Để biết thêm về các điều kiện nhập học, xin ghé vào www.universityofcalifornia.edu/admissions/general.html.

California State University: Hệ thống California State University (viết tắt là CSU) sử dụng 3 yếu tố để xét tiêu chuẩn nhập học, bao gồm những môn phải học tại trung học, điểm những môn phải học và điểm thi, và phải tốt nghiệp trung học. Một số trường trong hệ thống đòi hỏi tiêu chuẩn cao hơn đối với một số ngành học hoặc với những học sinh cư ngụ ngoài vùng địa giới của trường. Vì có nhiều học sinh xin học nên có vài trường đặt ra tiêu chuẩn cao hơn (thêm một số tiêu chuẩn khác) đối với tất cả mọi người nộp đơn. Đa số các trường trong hệ thống CSU áp dụng chủ trương bảo đảm nhận học sinh địa phương, là học sinh tốt nghiệp trung học hoặc chuyển tiếp từ các đại học cộng đồng trong vùng địa giới của trường. Để biết thêm về các điều kiện nhập học, xin ghé vào www.calstate.edu/SAS/admreq.shtml.

Hội đủ điều kiện tốt nghiệp trung học

Học sinh các trường công ở California phải thi đậu cả hai phần Anh văn và toán của Kỳ thi tốt nghiệp trung học California (California High School Exit Examination - CAHSEE) mới được cấp bằng tốt nghiệp. Đối với những học sinh bắt đầu học lớp 12 vào đầu năm học 2009-10 thì nên tham khảo bảng này, theo đó cho biết tỷ lệ học sinh ở trường chia theo nhóm đã hội đủ điều kiện của tiểu bang và địa phương để hoàn tất lớp 12, bao gồm việc đậu cả hai phần của kỳ thi CAHSEE hoặc nhận được giấy miễn thi của địa phương hoặc tiểu bang. Xin lưu ý là chưa có kết quả của tiểu bang California. Để biết thêm chi tiết, xin ghé vào www.cde.ca.gov/ta/tg/hs/.

Hội đủ điều kiện tốt nghiệp trung học

| Nhóm | Lớp tốt nghiệp vào năm 2010 | | |
|--|-----------------------------|---------------|-----------|
| | Trường | Khu học chánh | Tiểu bang |
| Tất cả học sinh | 85.29% | 83.24% | 94.5% |
| Học sinh da đen hoặc gốc Phi châu | 66.67% | 88.57% | 89.7% |
| Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska | ❖ | ❖ | 95.3% |
| Học sinh gốc Á châu | 88.39% | 87.14% | 97.4% |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | 100.00% | 89.80% | 98.2% |
| Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 74.51% | 79.11% | 91.6% |
| Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương | 50.00% | 82.14% | 95.2% |
| Học sinh da trắng | 92.31% | 87.26% | 98.1% |
| Học sinh thuộc hai giống dân hoặc nhiều hơn | ❖ | ❖ | ◇ |
| Học sinh nghèo | 83.84% | 81.85% | 91.3% |
| Học sinh đang trau dồi Anh ngữ | 65.70% | 65.12% | 98.5% |
| Học sinh khuyết tật | 71.43% | 56.79% | 53.4% |

❖ Không có thông tin.

❖ Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh.

Các môn học để vào hệ thống UC/CSU (2008-09)

Bảng này trình bày 2 tiêu chuẩn đánh giá liên quan đến các môn phải học để được nhận vào hệ thống University of California (UC) và/hoặc hệ thống California State University (CSU) trong năm học gần đây nhất theo dữ kiện có được. Để biết thêm chi tiết, xin ghé vào <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Dữ kiện nhận vào hệ thống UC/CSU

Điều kiện nhập học niên khoá

| | |
|--|-------|
| Tỷ lệ học sinh học các môn bắt buộc để được nhận vào hệ thống UC/CSU | 65.8% |
| Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học đã hoàn tất tất cả các môn bắt buộc để được nhận vào hệ thống UC/CSU | 48.4% |



Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học California (California High School Exit Exam) của tất cả học sinh: So sánh trong 3 năm

Bảng này trình bày tỷ lệ học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi trong môn Anh văn và toán.

| Tỷ lệ học sinh đạt trình độ Khá hoặc Giỏi | | | | | | |
|---|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | Anh văn | | | Toán | | |
| | 07-08 | 08-09 | 09-10 | 07-08 | 08-09 | 09-10 |
| Trường | 71.9% | 74.9% | 78% | 78.9% | 84.6% | 85% |
| Khu học chánh | 59.0% | 54.3% | 56.8% | 62.4% | 62.3% | 60.0% |
| Tiểu bang California | 52.9% | 52.0% | 54.0% | 51.3% | 53.3% | 53.4% |

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học, chia theo nhóm: môn Anh văn (niên khoá 2009-10)

Bảng này trình bày tỷ lệ học sinh, chia theo nhóm, đạt mức điểm theo từng trình độ trong môn Anh văn trong kỳ thi gần đây nhất.

| Nhóm | Anh văn | | |
|---|-----------|-------|-------|
| | Không đạt | Khá | Giỏi |
| Tất cả học sinh trong khu học chánh | 42.7% | 34.9% | 22.4% |
| Tất cả học sinh trong trường | 22.5% | 20.0% | 57.6% |
| Nam | 28.0% | 20.7% | 51.3% |
| Nữ | 17.2% | 19.3% | 63.5% |
| Học sinh da đen hoặc gốc Phi châu | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh gốc Á châu | 16.0% | 20.4% | 63.6% |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 43.0% | 25.3% | 31.6% |
| Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da trắng | 50.0% | 3.3% | 46.7% |
| Học sinh thuộc hai giống dân hoặc nhiều hơn | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh nghèo | 24.2% | 22.3% | 53.5% |
| Học sinh đang trau dồi Anh ngữ | 41.2% | 29.7% | 29.1% |
| Học sinh khuyết tật | 82.9% | 11.4% | 5.7% |
| Học sinh nhận dịch vụ chuyển trường theo cha mẹ | ❖ | ❖ | ❖ |

❖ Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh.

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học

Kỳ thi tốt nghiệp trung học California (California High School Exit Exam - CAHSEE) được dùng chủ yếu như một điều kiện tốt nghiệp. Tuy nhiên, kết quả thi của học sinh lớp 10 trong kỳ thi này cũng được dùng để phân loại tỷ lệ học sinh ở ba trình độ (không đạt, khá, hoặc giỏi) trong môn Anh văn và toán nhằm để tính mức tiến bộ tối thiểu hàng năm (AYP) theo như quy định của đạo luật liên bang Giúp Học Sinh Học Tiến (NCLB) được ban hành vào năm 2001. Để biết thêm chi tiết về kết quả kỳ thi CAHSEE, xin ghé vào trang mạng của CAHSEE tại <http://cahsee.cde.ca.gov/>.

Xin lưu ý: Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh.



Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học, chia theo nhóm: môn Toán (niên khoá 2009-10)

Bảng này trình bày tỷ lệ học sinh, chia theo nhóm, đạt mức điểm theo từng trình độ trong môn toán trong kỳ thi gần đây nhất.

| Tỷ lệ học sinh đạt mức điểm theo từng trình | | | |
|--|-----------|-------|-------|
| Group | Toán | | |
| | Không đạt | Khá | Giỏi |
| Tất cả học sinh trong khu học chánh | 36.8% | 29.3% | 33.9% |
| Tất cả học sinh trong trường | 15.5% | 30.8% | 53.7% |
| Nam | 16.7% | 29.6% | 53.6% |
| Nữ | 14.3% | 32.0% | 53.7% |
| Học sinh da đen hoặc gốc Phi châu | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh gốc Á châu | 8.8% | 27.2% | 64.0% |
| Học sinh gốc Phi Luật Tân | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh | 40.5% | 46.8% | 12.7% |
| Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh da trắng | 33.3% | 30.0% | 36.7% |
| Học sinh thuộc hai giống dân hoặc nhiều hơn | ❖ | ❖ | ❖ |
| Học sinh nghèo | 17.9% | 30.7% | 51.5% |
| Học sinh đang trau dồi Anh ngữ | 27.9% | 36.6% | 35.5% |
| Học sinh khuyết tật | 72.2% | 16.7% | 11.1% |
| Học sinh nhận dịch vụ chuyển trường theo cha mẹ | ❖ | ❖ | ❖ |

❖ Kết quả sẽ không được công bố nếu chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự kiểm tra, vì số học sinh tham gia ít ỏi sẽ dẫn đến kết quả thống kê không chính xác hoặc vì nhằm để giữ kín danh tánh học sinh.

Học sinh tốt nghiệp và học sinh bỏ học nửa chừng

Bảng này trình bày tỷ lệ học sinh tốt nghiệp và tỷ lệ học sinh bỏ học nửa chừng trong 1 năm trong thời gian ba năm trở lại đây theo dữ kiện có được.

| Học sinh tốt nghiệp và học sinh bỏ học nửa chừng | | | | | | | | | |
|--|--------|-------|-------|---------------|-------|-------|----------------------|-------|-------|
| | Trường | | | Khu học chánh | | | Tiểu bang California | | |
| | 06-07 | 07-08 | 08-09 | 06-07 | 07-08 | 08-09 | 06-07 | 07-08 | 08-09 |
| Tỷ lệ tốt nghiệp | 98.28 | 96.29 | 95.09 | 95.73 | 92.38 | 91.34 | 80.61 | 80.21 | 78.59 |
| Tỷ lệ bỏ học nửa chừng trong 1 năm | 0.22% | 1.33% | 3.38% | 1.23% | 1.62% | 4.18% | 5.46% | 4.88% | 5.69% |

Các môn học trình độ cao

Dưới đây là danh sách những môn học trình độ cao (advanced placement - AP) được dạy tại trường. Trong niên khoá 2009-10 có 6.3% tổng số học sinh tại trường ghi danh học tổng cộng 23 lớp AP.

| Các môn học trình độ cao | |
|-----------------------------------|---|
| Khoa học điện toán | 0 |
| Anh văn | 3 |
| Nghệ thuật hình ảnh và trình diễn | 0 |
| Ngoại ngữ | 1 |
| Toán | 9 |
| Khoa học | 5 |
| Khoa học xã hội | 5 |

Chương trình hướng nghiệp và huấn nghề

Chương trình hướng nghiệp và huấn nghề (Career Technical Education - CTE) của khu học chánh tuân thủ các tiêu chuẩn của tiểu bang, theo đó việc huấn luyện sẽ chú tâm vào việc chuẩn bị học đại học, có tay nghề và tham gia lực lượng lao động. Các lớp thuộc chương trình CTE và huấn nghề địa phương (Regional Occupational Program - ROP) tạo cơ hội hướng đến nhiều ngành nghề khác nhau. Học viên tham dự sẽ đạt tín chỉ đại học khi học một số lớp ở trường trung học vì có sự thoả thuận giữa các trường trung học và đại học.

Tất cả chương trình giảng dạy mới được soạn thảo trong chương trình CTE đều chú tâm hỗ trợ những môn học chính, nhất là các môn Anh văn, toán và khoa học. Những lớp này thường cung cấp một vốn từ vựng rất chuyên môn giúp học sinh đọc và viết tiếng Anh ngay bây giờ và trong tương lai, và một cách học độc đáo đầy thực tiễn. Các lớp khoa học, kỹ thuật, Anh văn và toán (Science, Technology, English, Math - STEM) đang được thêm vào và chú tâm vào ngành kỹ sư, sử dụng người máy và thiết kế công nghệ. Ngành y khoa cũng được mở rộng với các lớp về y khoa, chữa trị chấn thương liên quan đến thể thao, tiếp tân phòng mạch, và phụ tá phòng mạch. Trong tương lai sẽ mở thêm lớp phụ tá dược sĩ để lập ra cả một chương trình y khoa giúp học sinh có dịp đi thực tập và đi theo quan sát học nghề.

Các mục tiêu giáo dục của khu học chánh theo sát các chỉ dẫn của chương trình NCLB. Chương trình CTE cũng dùng những dữ liệu này để thẩm định sự tiến triển của các lớp trong chương trình. Học sinh phải đạt hoặc vượt mức tiêu chuẩn của tiểu bang trong từng hạng mục mà Kỳ thi tốt nghiệp trung học California và Trắc nghiệm tiêu chuẩn của California thẩm định trình độ ở môn Anh văn và toán. Tỷ lệ học sinh lớp 12 tốt nghiệp cũng là một phần tiêu chuẩn cho học sinh chương trình hướng nghiệp và huấn nghề.

Dưới đây là các lớp thuộc chương trình CTE và ROP hiện có tại trường.

- Kế toán
- Các ứng dụng trong ngành điện toán
- Giới thiệu đến với ngành kinh doanh
- Kinh doanh nhỏ/Tự làm chủ kinh doanh
- Kinh tế và Tài chính (hệ thống UC)
- Thực phẩm/Căn bản nấu nướng
- Tiến trình phát triển của trẻ con (hệ thống UC)
- Thiết kế hình ảnh, đồ hoạ và trang mạng

Tham gia chương trình hướng nghiệp và huấn nghề (Career Technical Education – CTE)

Bảng này trình bày thông tin về sự tham gia trong các chương trình hướng nghiệp và huấn nghề tại trường.

| Tham gia chương trình hướng nghiệp và huấn nghề (niên khoá 2009-10) | |
|---|--------|
| | Trường |
| Số học sinh lớp 9-12 tham gia trong chương trình CTE | 450 |
| Số học sinh lớp 12 hoàn tất chương trình | 36 |
| Tỷ lệ học sinh lớp 12 hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học | 100% |
| Tỷ lệ các lớp thuộc chương trình CTE của trường tiếp nối hoặc ăn khớp với các lớp ở đại học | 29% |

Ủy ban cố vấn huấn nghề và hướng nghiệp

Nhằm hỗ trợ chương trình CTE, khu học chánh tổ chức các buổi gặp mặt của uỷ ban cố vấn huấn nghề và hướng nghiệp với sự tham dự của những ngành nghề và cơ sở thương mại sau đây:

- Ngân hàng và công ty dịch vụ tài chính
- Tiệm buôn và tiệm bán lẻ đặc sản
- Quản lý và chủ nhà hàng và khách sạn
- Nhà cung cấp thức ăn
- Đầu bếp
- Công ty tiếp thị toàn cầu
- Nhân viên phục vụ khách hàng
- Kế toán viên công chứng
- Cơ sở kinh doanh nhỏ và người làm kinh doanh
- Nhà cung cấp dịch vụ y tế
- Chuyên viên cấp cứu y tế
- Nhân viên phòng mạch
- Nhà giữ trẻ
- Chuyên viên điện toán
- Chuyên viên phụ trách mạng và máy chủ
- Quan toà
- Luật sư
- Kỹ sư
- Giáo sư đại học
- Đại diện sở cảnh sát và đại diện sở cứu hoả
- Chuyên viên truyền hình và sản xuất băng hình

Giám đốc chương trình CTE/ROP của khu học chánh là người đại diện chính của uỷ ban này.



Các môn chính do giáo viên chương trình Giúp Học Sinh Học Tiến giảng dạy (2009-10)

| Giáo viên thuộc chương trình Giúp Học Sinh Học Tiến | | |
|---|--|--|
| | Tỷ lệ những lớp dạy các môn học chính | |
| | Do giáo viên thuộc chương trình NCLB giảng dạy | Do giáo viên không thuộc chương trình NCLB giảng dạy |
| Trường | 96.5% | 3.5% |
| Tất cả trường trong khu học chánh | 97.4% | 2.6% |
| Trường có học sinh nghèo chiếm tỷ lệ cao | 97.1% | 2.9% |
| Trường có học sinh nghèo chiếm tỷ lệ thấp | 97.3% | 2.7% |

Ghi chú về chương trình NCLB: Những trường có học sinh nghèo chiếm tỷ lệ cao là những trường có từ 75% học sinh trở lên trong chương trình ăn miễn phí hoặc giảm giá. Những trường có học sinh nghèo chiếm tỷ lệ thấp là những trường có từ 25% học sinh trở xuống trong chương trình ăn miễn phí hoặc giảm giá.

Khả năng đảm nhận vai trò của giáo viên

Bảng dưới đây trình bày con số giáo viên được phân bổ đến trường với bằng sư phạm thực thụ, chưa có bằng sư phạm thực thụ, và những giáo viên dạy ngoài lãnh vực chuyên môn. Để biết thêm chi tiết về khả năng đảm nhận vai trò của giáo viên, xin ghé vào trang mạng của Hội đồng giáo dục tiểu bang California tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

| Thông tin về bằng sư phạm của giáo viên | | | | |
|---|---------------|--------|-------|-------|
| Giáo viên | Khu học chánh | Trường | | |
| | | 07-08 | 08-09 | 09-10 |
| Với bằng sư phạm thực thụ | 1,911 | 68 | 71 | 72 |
| Chưa có bằng sư phạm thực thụ | 16 | 3 | 3 | 0 |
| Dạy ngoài lãnh vực chuyên môn | | 11 | 10 | 11 |

Giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn và những vị trí còn thiếu giáo viên

Bảng này trình bày con số giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn (nghĩa là được phân bổ không đúng theo luật lệ cho phép) và những vị trí còn thiếu giáo viên (nghĩa là không có giáo viên nào được chỉ định dạy một môn học vào đầu năm học hoặc vào đầu học kỳ). Tổng số giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn bao gồm cả những giáo viên được bổ nhiệm dạy tiếng Anh không đúng chuyên môn.

| Giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn và những vị trí còn thiếu giáo viên | | | |
|---|--------|-------|-------|
| | Trường | | |
| | 08-09 | 09-10 | 10-11 |
| Giáo viên được bổ nhiệm dạy tiếng Anh không đúng chuyên môn | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số giáo viên được bổ nhiệm không đúng chuyên môn | 0 | 0 | 0 |
| Những vị trí còn thiếu giáo viên | 1 | 0 | 0 |

Các môn chính do giáo viên chương trình Giúp Học Sinh Học Tiến giảng dạy (2009-10)

Bảng này trình bày tỷ lệ các môn chính do giáo viên thuộc lần không thuộc chương trình Giúp Học Sinh Học Tiến (NCLB) giảng dạy tại trường, tại tất cả trường trong khu học chánh, tại trường có học sinh nghèo chiếm tỷ lệ cao, và tại trường có học sinh nghèo chiếm tỷ lệ thấp. Để biết thêm chi tiết về khả năng đảm nhận vai trò của giáo viên theo quy định của chương trình NCLB, xin ghé vào trang mạng của Hội đồng giáo dục tiểu bang California tại www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/.

Chuyên viên tư vấn việc học

| Chuyên viên tư vấn | |
|---|--|
| Chuyên viên tư vấn việc học | |
| 3 tương đương toàn thời gian* | 720:1 (tỷ lệ giữa học sinh và chuyên viên tư vấn việc học) |
| Chuyên viên tư vấn (cách giao tiếp xã hội/cách cư xử hoặc phát triển nghề nghiệp) | |
| ** | Không có |

*FTE = tương đương với toàn thời gian
** Chuyên viên tâm lý của trường sẽ cố vấn cho học sinh về cách giao tiếp xã hội/cách cư xử, trong khi đó chuyên viên tư vấn việc học sẽ cố vấn việc phát triển nghề nghiệp.

Chuyên viên tư vấn phụ đạo

Khu học chánh gửi hai chuyên viên tư vấn phụ đạo đến các trường trung học với nỗ lực hỗ trợ những học sinh đã rớt hoặc có nguy cơ sẽ rớt Kỳ thi tốt nghiệp trung học, cũng như hỗ trợ những học sinh có nguy cơ không thể tốt nghiệp vì không có đủ tín chỉ.

Số liệu về tài chính của khu học chánh, niên khoá 2008-09

| Bảng kê lương bổng của khu học chánh | | |
|---|---------------|--|
| Mức lương | Khu học chánh | Mức trung bình của các khu học chánh cùng cỡ trong tiểu bang |
| Lương giáo viên mức khởi đầu | \$49,211 | \$42,377 |
| Lương giáo viên mức trung bình | \$79,650 | \$67,667 |
| Lương giáo viên mức cao nhất | \$96,130 | \$87,102 |
| Lương trung bình của hiệu trưởng (trường tiểu học) | \$111,975 | \$108,894 |
| Lương trung bình của hiệu trưởng (trường trung học cấp 1) | \$120,194 | \$113,713 |
| Lương trung bình của hiệu trưởng (trường trung học cấp 2) | \$136,250 | \$124,531 |
| Lương của trưởng khu học chánh | \$255,104 | \$223,323 |
| Lương giáo viên – Phần trăm ngân sách | 42.80% | 40.20% |
| Lương nhân viên hành chánh – Phần trăm ngân sách | 4.30% | 5.50% |

Số liệu về tài chính của khu học chánh, niên khoá 2008-09

Bảng này trình bày số liệu về lương bổng của giáo viên và nhân viên hành chánh thuộc khu học chánh so với mức lương trung bình dựa trên bảng lương của các khu học chánh cùng cỡ trong tiểu bang.

Số liệu về tài chính

Số liệu về tài chính được đăng trong Bản Tổng Kết Hàng Năm là từ tài khoá 2008-09. Thông tin về tài khoá gần đây nhất do chính quyền tiểu bang cung cấp luôn trễ 2 năm so với năm học hiện tại và 1 năm so với hầu hết các dữ kiện khác trong bản tổng kết này. Để biết thêm chi tiết số liệu về tài chính, xin ghé vào www.cde.ca.gov/ds/fd/cs và www.cde.ca.gov/ds/fd/ec.

Số liệu về tài chính của trường, niên khoá 2008-09

Bảng này trình bày lương trung bình của giáo viên tại trường và chi tiết về chi phí cho một học sinh tại trường từ các nguồn tiền không bị giới hạn lẫn bị giới hạn.

| Số liệu về tài chính của trường | |
|--|----------|
| | Trường |
| Tổng chi phí cho một học sinh | \$7,745 |
| Chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền bị giới hạn | \$1,967 |
| Chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền không bị giới hạn | \$5,779 |
| Lương trung bình của giáo viên | \$78,893 |

So sánh số liệu về tài chính, niên khoá 2008-09

Bảng sau đây trình bày chi phí cho một học sinh tại trường từ các nguồn tiền không bị giới hạn và lương trung bình của giáo viên tại trường so với những con số của khu học chánh và của tiểu bang.

| So sánh số liệu về tài chính | | |
|--|--|--------------------------------|
| | Chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền không bị giới hạn | Lương trung bình của giáo viên |
| Trường | \$5,779 | \$78,893 |
| Khu học chánh | \$5,702 | \$78,330 |
| Tiểu bang California | \$5,681 | \$68,179 |
| Trường và khu học chánh – Tỷ lệ khác biệt | +1.33% | +0.71% |
| Trường và tiểu bang California – Tỷ lệ khác biệt | +1.69% | +13.58% |

SARC: Để biết thêm thông tin về các trường và khu học chánh tại California, xin ghé vào trang mạng của DataQuest tại <http://data1.cde.ca.gov/dataquest>. DataQuest là nguồn thông tin trực tuyến cung cấp các bản báo cáo gồm bản tổng kết hàng năm, kết quả sát hạch, số học sinh ghi danh, số học sinh tốt nghiệp, số học sinh bỏ học, số học sinh ghi danh trong các lớp, việc thuê mướn nhân viên và các dữ kiện về những học sinh đang trau dồi Anh ngữ.

Tất cả chi tiết này tính đến tháng 1 năm 2010 là chính xác.